

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 130/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Dân

2. Ông Nguyễn Công Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 22/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2017/QĐXX-ST ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tiến C - Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị Kiều T - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tiến C trình bày:**

Anh và chị Trần Thị Kiều T chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, vợ chồng có nhiều sự khác biệt, không hợp nhau nên đến tháng 8 năm 2015 anh và chị Tiên đã sống ly thân từ đó đến nay và anh C xác định nay anh không còn tình cảm vợ chồng gì với chị T nữa nên mong muốn Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Trần Thị Kiều T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008. Hiện nay cháu Nguyễn Phúc T vẫn đang sống cùng với chị T,

chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phúc T đến tuổi trưởng thành thì anh cũng đồng ý giao cháu T cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng thì anh C đồng ý.

Về tài sản chung: Không có nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C xác định vợ chồng anh C, chị T không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh C, chị T.

*** Bị đơn chị Trần Thị Kiều T trình bày:**

Chị T thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Tiến C về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung là đúng.

Chị và anh Nguyễn Tiến C chung sống với nhau và có làm lễ cưới theo phong tục từ năm 2007 nhưng vợ chồng anh chị chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường. Quá trình chung sống đến năm 2015, thì vợ chồng này sinh mâu thuẫn cãi vã, mỗi lần như vậy anh C lại đuổi chị về nhà mẹ đẻ, vì không thể chịu như vậy được nên chị đã dọn đồ và về nhà mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2015, cho đến nay. Nay anh C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì chị T đồng ý với yêu cầu của anh C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh C, chị T không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tiến C yêu cầu Tòa án giải quyết xin không công nhận vợ chồng với chị Trần Thị Kiều T. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại Điều 14; Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Anh Nguyễn Tiến C và chị Trần Thị Kiều T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, mặc dù tại thời điểm chung sống hai bên đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Quá trình chung sống, giữa hai vợ không hòa hợp, xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nên năm 2015 chị T không cùng chung sống với anh C trong một mái nhà nữa mà đã bỏ đi về nhà mẹ đẻ sống và kể từ đó đến nay chị T chưa một lần quay về sống cùng với anh C. Nay anh C và chị T xác định tình cảm vợ chồng đôi bên không còn nữa nên cả hai đều mong muốn không công nhận vợ chồng. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh C, chị T không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 14, Điều 15 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tiến C và chị Trần Thị Kiều T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tiến C và chị Trần Thị Kiều T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008. Hiện nay cháu Nguyễn Phúc T vẫn đang sống cùng với chị T, chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phúc T đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008 cho chị Trần Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng và anh C đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị T yêu cầu nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Anh C và chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Tiến C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Tiến C và chị Trần Thị Kiều T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tiến C và chị Trần Thị Kiều T về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Tiến C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/9/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 10/10/2008 đủ tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tiến C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

*** Về án phí:** Anh Nguyễn Tiến C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2016/0000787 ngày 06 tháng 7 năm 2017. Anh Nguyễn Tiến C còn phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My